

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **30E-713.20** Số quản lý: 2903S-003971
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)
Loại phương tiện: (Type) ô tô con
Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA
Số loại: (Model code) PRADO
Số máy: (Engine Number) 3RZ 1519992
Số khung: (Chassis Number) RZJ950008045
Năm, Nước sản xuất: 1997, Nhật Bản Niên hạn SD:
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)
Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x4 Vết bánh xe: 1505/1510 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)
Kích thước bao: (Overall Dimension) 4755 x 1820 x 1880 (mm)
Kích thước lòng thùng xe (Inside cargo container dimension)
(mm)
Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2675 (mm)
Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1850 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 0/0 (kg)
(Design/Authorized total mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Số người cho phép chở: 7 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng
Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2694 (cm³)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 112(kW)/4800vph
Số sê-ri: (No.) **DA-3243373** 6112824233

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 265-16
2: 2; 265-16

Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)
2903S-38220/22

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) **16/05/2023**

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2022



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS


No: DA 3243373

Tên chủ xe (Owner's full name): Số máy (Engine N°):
 Địa chỉ (Address): Số khung (Chassis N°):
 Nhân hiệu (Brand): Số loại (Model code):
 Loại xe (Type): Dung tích (Capacity):
 Màu sơn (Color): Tải trọng: Hàng hóa: kg; Số chỗ ngồi (Sit): đứng (Stand): nằm (Lie):
 Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry):
 Hà Nội, ngày (date) tháng năm 2017

Biển số đăng ký (N° Plate): (T)
30E-713.20

Đăng ký lần đầu ngày:
 Date of first registration:
 17-11-1997

THƯỢNG TÁ. Nguyễn Chánh Hải



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 Ha Noi city's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
 The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
 Car Registration Certificate
 Số (Number): **367264**

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **30E-748.48** Số quản lý: 2903S-006016
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA

Số loại: (Model code) COROLLA -ALTIS

Số máy: (Engine Number) 1ZZ1043613

Số khung: (Chassis Number) ZZE1227501589

Năm, Nước sản xuất: 2002, Việt Nam Niên hạn SD:

(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1480/1460 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4530 x 1695 x 1485 (mm)

Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension)
(mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2600 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1050 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1460/1460 (kg)
(Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 1794 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 85(kW)/5500vph

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 185/70R-14

2: 2; 185/70R-14

Hà Nội, ngày 15 tháng 1 năm 2021

Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

2903S-01800/21

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 14/07/2021

(Issued on: Day/Month/Year)

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH

ĐANG KIỂM

(INSPECTION CENTER)

SỐ 2903S KIỂM ĐỊNH

CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

MỘT THÀNH VIÊN

KHÁ THẠCH HỒ

ĐƯỜNG

THÀNH PHỐ

HÀ NỘI



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo-hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: KD 4517471

Tên chủ xe (Owner's full name): **TCT HÀ TANG MẠNG ID BCVT VN** Số máy (Engine No): **1221043613**
Địa chỉ (Address): **30 Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, NTL, HN** Số khung (Chassis No): **ZE1221501589**
Nhãn hiệu (Brand): **TOYOTA** Số loại (Model code): **COROLLA**
Loại xe (Type): **Đô con** Dung tích (Capacity): **1794**
Màu sơn (Color): **Đỏ**
Tải trọng: Hàng hoá: kg; Số chỗ ngồi (Sit): **5** đứng (Stand): năm (Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): Hà Nội, ngày **06** tháng **06** năm **2017**

Biển số đăng ký (No Plate) (T) **30E-748.48**

Đăng ký lần đầu ngày: **21/10/2002** **THƯỢNG TÁ. Nguyễn Thanh Hải.**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Ha Noi city's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): **3 1 1 3 2 9**

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 29C-858.28 Số quản lý: 2905V-008657
(Registration Number) (Vehicle Inspection No.)
Loại phương tiện: (Type) ô tô tải (PICKUP ca bin kép)
Nhãn hiệu: (Mark) FORD
Số loại: (Model code) RANGER UT6RFH2
Số máy: (Engine Number) WLAT382555
Số khung: (Chassis Number) THDFDCMRRD3Y01852
Năm, Nước sản xuất: 2003, Việt Nam Niên hạn SD: 2028
(Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)
Kinh doanh vận tải (Commercial Use) Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1450/1440 (mm)
(Wheel Formula) (Wheel Tread)
Kích thước bao: (Overall Dimension) 5128 x 1740 x 1750 (mm)
Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension)
1530x1536x405 (mm)
Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 3000 (mm)
Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1696 (kg)
Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 700/700 (kg)
(Design/Authorized pay load)
Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 2844/2844 (kg)
(Design/Authorized total mass)
Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
(Design/Authorized towed mass)
Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel
Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2499 (cm³)
Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 85(kW)/3500vph
Số sê-ri: (No.) KD-4398071 8878212232

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 265/70R15
2: 2; 265/70R15

Số phiếu kiểm định

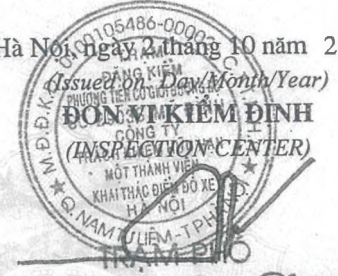
(Inspection Report No)

2903S-29789/20

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until) 01/04/2021

Hà Nội ngày 2 tháng 10 năm 2020



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the followings:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When in traffic, drivers are requested to carry the certificate of inspection. Return certificate and inspection stamp when receiving a withdrawal notice from the Registration and Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward its.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

Perform maintenance and/or repair to the good technical conditions of the vehicle between two consecutive inspections.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No, ... the concerned Registration and Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environmental protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MOT – Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: KD 4398071

Tên chủ xe (Owner's full name): **TCT HÀ TĂNG MẠNG TĐ BCVT VN** Số máy (Engine N°): **WLAT382555**
Địa chỉ (Address): **30 Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, NTL, HN** Số khung (Chassis N°): **C61RRD3Y01852**
Nhân hiệu (Brand): **FORD** Số loại (Model code): **RANGER**
Loại xe (Type): **Tải pickup cabin kép** Dung tích (Capacity): **2499**
Màu sơn (Color): **Vàng**
Tải trọng: Hàng hoá: **700** kg; Số chỗ ngồi (Sit): **5** đứng (Stand): năm (Lie):
Đăng ký xe có giá trị đến ngày (date of expiry): **31/12/2028**
Hà Nội, ngày (date): **06** tháng **06** năm **2017**

Biển số đăng ký (N° Plate): **29C-858.28**
TRƯƠNG PHÒNG *[Signature]*
Đăng ký lần đầu ngày: **21/07/2003**
Date of first registration: **21/07/2003**
THƯỢNG TÁ: *Nguyễn Chánh Hải*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Ha Noi city's Public Security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The traffic police Division
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
Số (Number): **3 1 1 3 2 3**